

1. MỤC TIÊU

1.1. Kiến thức. Học sinh ôn tập các kiến thức về:

- Tế bào nhân sơ
- Tế bào nhân thực
- Trao đổi chất qua màng tế bào
- Truyền tin tế bào

1.2. Kỹ năng: Học sinh rèn luyện các kỹ năng:

- Làm bài trắc nghiệm
- Vận dụng kiến thức để giải thích các hiện tượng liên quan thực tiễn.
- Rèn luyện tư duy, kỹ năng quan sát, suy luận và so sánh.

2. NỘI DUNG

2.1. Các dạng câu hỏi định tính:

- Mô tả được kích thước, cấu tạo và chức năng các thành phần của tế bào nhân sơ
- Nêu được cấu tạo và chức năng của tế bào chất
- Trình bày được cấu trúc và chức năng quan trọng của nhân
- Phân tích được mối quan hệ giữa cấu tạo và chức năng của các bào quan trong tế bào
- Phân tích được mối quan hệ phù hợp giữa cấu tạo và chức năng của màng sinh chất, thành tế bào thực vật
- Trình bày được cấu trúc và chức năng của các thành phần lông, roi, chất nền ngoại bào, bộ phận kết nối các tế bào
- Lập được bảng so sánh tế bào nhân sơ và tế bào nhân thực, tế bào động vật và tế bào thực vật

2.2. Các dạng câu hỏi định lượng: Không

2.3. Ma trận

TT	Nội dung kiến thức	Mức độ nhận thức				Tổng số câu	
		Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	TL	TN
1	Tế bào nhân sơ	3	2	1	1		
2	Tế bào nhân thực	5	2	2	1		
3	Vận chuyển các chất qua màng tế bào	2	3	2	1		
4	Truyền tin tế bào	1	1	1			
Tổng	TN	11	8	6	3		28
	TL	1	1	1	0	3	

2.4. Câu hỏi và bài tập minh họa :

Nhận biết

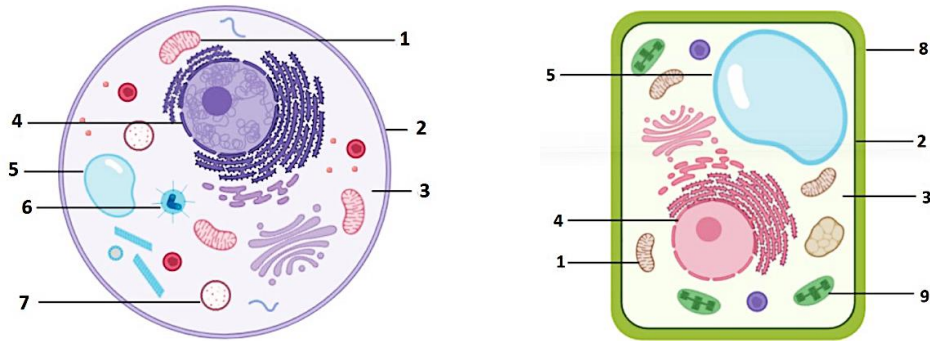
Câu hỏi tự luận

Câu 1. Hoàn thành bảng cấu trúc và chức năng các thành phần của tế bào nhân sơ theo mẫu sau:

Thành phần	Cấu trúc	Chức năng
Màng tế bào		
Tế bào chất		
Vùng nhân		

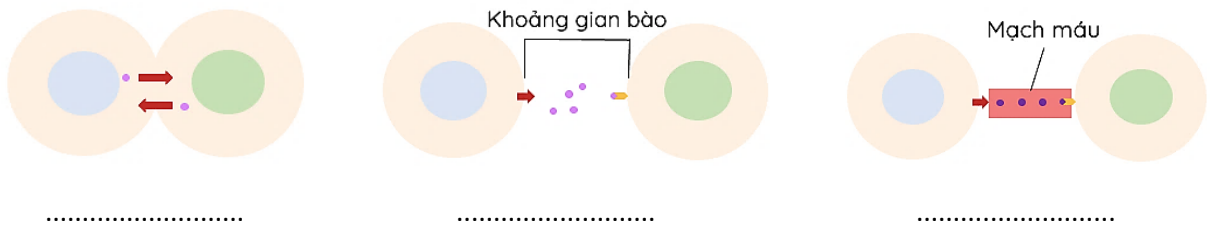
Thành tế bào		
Lông, roi và màng ngoài		

Câu 2. Hãy chú thích các thành phần cấu tạo của tế bào động vật và thực vật trong hình sau



- 1.....
 2.....
 3.....
 4.....
 5.....
 6.....
 7.....
 8.....
 9.....

Câu 3: Điền vào chỗ trống các kiểu truyền tin tương ứng với hình bên dưới.



Câu hỏi trắc nghiệm

- Câu 1.** Tế bào nhân sơ có kích thước khoảng
 A. 1 - 5 mm B. 3 - 5 μm C. 1 - 5 μm D. 3 - 5 cm
- Câu 2.** Thành tế bào vi khuẩn được cấu tạo chủ yếu từ
 A. cellulose. B. chitin.
 C. peptidoglycan. D. carbohydrate.
- Câu 3.** Người ta dựa vào cấu trúc nào để chia vi khuẩn thành hai loại Gr^+ và Gr^- ?
 A. Màng tế bào. B. Tế bào chất. C. Vùng nhân. D. Thành tế bào.
- Câu 4.** Nơi diễn ra các phản ứng hoá sinh của tế bào là
 A. Tế bào chất. B. Nhân. C. Thành tế bào. D. Màng tế bào.
- Câu 5.** Bào quan duy nhất của tế bào nhân sơ là
 A. Ribosome 80S B. Ribosome 70S C. Plasmid. D. Nhân
- Câu 6.** Sinh vật nào sau đây **không** phải là sinh vật nhân thực ?
 A. Thực vật B. Động vật C. Vi khuẩn D. Nấm
- Câu 7.** Cấu trúc nào sau đây chỉ có ở tế bào thực vật ?
 A. Thành tế bào, lục lạp. B. Trung thể, lysosome.
 C. Ti thể, peroxisome D. Bộ máy Golgi
- Câu 8.** Cấu trúc nào sau đây chỉ có ở tế bào động vật ?
 A. Thành tế bào, lục lạp. B. Trung thể, lysosome.
 C. Ti thể, peroxisome D. Bộ máy Golgi.
- Câu 9.** Nhân tế bào chứa chủ yếu là chất nhiễm sắc gồm

A. DNA + protein

B. lipid + protein

C. RNA + protein

D. carbohydrate + protein.

Câu 10. Trung tâm điều khiển mọi hoạt động sống của tế bào nhân thực là?

A. Vùng nhân.

B. Ribosome.

C. Màng sinh chất.

D. Nhân tế bào.

Câu 11. Lưới nội chất hạt khác lưới nội chất trơn ở điểm nào?

A. Có chứa phospholipid.

B. Có đính ribosome.

C. Có chứa protein.

D. Có chứa DNA.

Câu 12. Chức năng của lưới nội chất hạt là

A. Tổng hợp các loại lipid cấu tạo nên màng sinh chất.

B. Tổng hợp các loại protein nội bào và protein tiết.

C. Chuyển hóa đường và khử độc cho tế bào.

D. Lắp ráp, đóng gói và phân phối các sản phẩm của tế bào.

Câu 13. Vận chuyển thụ động là phương thức vận chuyển các chất từ nơi có

A. nồng độ thấp đến nơi có nồng độ cao, không tốn năng lượng.

B. nồng độ cao đến nơi có nồng độ thấp, không tốn năng lượng.

C. nồng độ thấp đến nơi có nồng độ cao, tiêu tốn năng lượng.

D. nồng độ cao đến nơi có nồng độ thấp, tiêu tốn năng lượng..

Câu 14. Có hai con đường vận chuyển thụ động các chất qua màng là

A. qua lớp phospholipid và kênh glycoprotein.

B. qua lớp phospholipid và cầu sinh chất.

C. qua lớp phospholipid và các mối nối.

D. qua lớp phospholipid và kênh protein.

Câu 15. Thông tin giữa các tế bào là

A. sự truyền tín hiệu từ tế bào này sang tế bào khác của cùng một cơ thể.

B. sự truyền tín hiệu từ tế bào này sang tế bào khác của những cơ thể khác nhau.

C. sự truyền tín hiệu từ tế bào này sang tế bào khác thuộc cùng một mô trong cơ thể.

D. sự truyền tín hiệu thần kinh từ tế bào thần kinh này sang tế bào thần kinh khác.

Thông hiểu

Câu hỏi tự luận

Câu 1: So sánh cấu trúc của tế bào nhân sơ và tế bào nhân thực?

Câu 2: So sánh cấu trúc, chức năng của ti thể và lục lạp?

Câu 3: Phân biệt các hình thức vận chuyển thụ động, vận chuyển chủ động, vận chuyển vật chất nhờ biến dạng màng tế bào bằng cách hoàn thành bảng sau

	Chiều vận chuyển	Yêu cầu năng lượng	Thành phần tham gia vận chuyển	Đặc điểm chất được vận chuyển
Vận chuyển thụ động				
Vận chuyển chủ động				
Vận chuyển vật chất nhờ biến dạng màng tế bào				

Trắc nghiệm

Câu 1. Gọi là tế bào nhân thực vì

A. có hệ thống nội màng.

B. có vật chất di truyền là DNA.

C. có kích thước lớn

D. có màng nhân bao bọc vật chất di truyền.

Câu 2. Tế bào vi khuẩn được gọi là tế bào nhân sơ, vì nguyên nhân nào sau đây?

A. Tế bào vi khuẩn xuất hiện rất sớm.

B. Tế bào vi khuẩn có cấu trúc đơn bào.

C. Tế bào vi khuẩn có cấu tạo rất đơn giản.

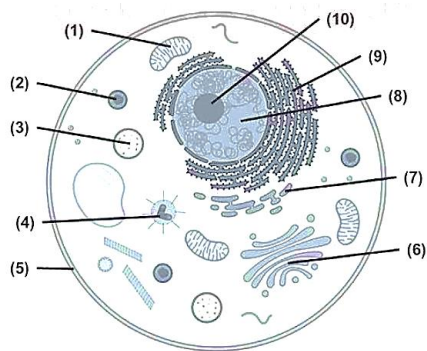
D. Tế bào vi khuẩn chưa có màng nhân.

- Câu 3.** Sở dĩ ti thể có khả năng tự nhân đôi và tự tổng hợp protein là vì trong chất nền ti thể có chứa
- A. carbohydrate, hormone, enzyme. B. DNA, enzyme, hormone.
C. DNA, ribosome, enzyme. D. carbohydrate, DNA, enzyme.
- Câu 4.** Gọi ti thể là “nhà máy năng lượng” của ti thể vì ti thể có chức năng?
- A. Thực hiện “lên men” kị khí, tổng hợp năng lượng ATP.
B. Thực hiện “dịch mã”, tổng hợp protein tích lũy năng lượng.
C. Thực hiện “hô hấp tế bào” tổng hợp năng lượng ATP.
D. Thực hiện “quang hợp” hấp thụ và chuyển hóa năng lượng ánh sáng.
- Câu 5.** Khung xương tế bào có những chức năng nào sau đây?
1. Nơi neo đậu của các bào quan và enzyme. 2. Làm giá đỡ cơ học, giúp duy trì hình dạng tế bào.
3. Tổng hợp protein và enzyme cho tế bào. 4. Tham gia vào sự vận động của tế bào.
- A. 2, 3, 4. B. 1, 3, 4. C. 1, 2, 4. D. 1, 2, 3.
- Câu 6.** Chức năng của lysosome là?
1. hô hấp tế bào sinh ra năng lượng ATP. 2. tiêu hóa, phân giải nội bào.
3. thực bào vi sinh vật xâm nhập vào tế bào. 4. tổng hợp protein, lipid cấu tạo màng sinh chất.
- A. 1, 2. B. 1, 3. C. 2, 3. D. 3, 4.
- Câu 7.** Hydrogen peroxid (H_2O_2), còn gọi là oxy già, là một loại chất thường dùng trong sát trùng y tế. Trong tế bào, nếu H_2O_2 tích lũy nhiều sẽ gây độc cho tế bào. Peroxisome có enzyme nào sau đây có thể oxy hóa chất này?
- A. Uricase. B. Protease. C. Catalase. D. Amylase.
- Câu 8.** Không bào phát triển nhất ở loại tế bào nào sau đây?
- A. Tế bào động vật B. Tế bào thực vật. C. Tế bào vi khuẩn. D. Tế bào nấm.
- Câu 9.** Trung thể có vai trò quan trọng trong sự phân bào ở tế bào động vật vì chúng hình thành nên
- A. thoi phân bào. B. nhân con. C. màng nhân. D. nhiễm sắc thể.
- Câu 10.** Theo Nicolson & Singer, màng sinh chất được cấu trúc theo mô hình
- A. bánh mì kẹp thịt B. khảm C. động D. khảm – động.
- Câu 11.** Thành phần chính của màng sinh chất gồm
- A. lớp kép phospholipid + protein. B. lớp kép protein + phospholipid.
C. lớp kép phospholipid + cellulose. D. lớp kép cellulose + protein.
- Câu 12.** Ý nghĩa của quá trình truyền tin giữa các tế bào là giúp
- A. các tế bào thực hiện quá trình trao đổi chất.
B. điều hòa các hoạt động sống trong cơ thể.
C. cơ thể thực hiện các hoạt động sống một cách chính xác.
D. tế bào đáp ứng với các kích thích từ môi trường bên ngoài
- Câu 13.** Thành phần nào của tế bào có vai trò tiếp nhận phân tử tín hiệu?
- A. Thụ thể. B. Màng tế bào. C. Tế bào chất D. Nhân tế bào.
- Câu 14.** Các chất được vận chuyển thụ động qua kênh protein thường là các chất
1. phân cực, các ion. 2. tan trong lipid, không phân cực.
3. tan trong nước, không tan trong lipid. 4. có kích thước lớn.
- A. 2, 3, 4 B. 1, 3, 4 C. 1, 2, 4 D. 1, 2, 3.
- Câu 15.** Đặc điểm của vận chuyển chủ động là
1. Không tiêu tốn năng lượng ATP. 2. Cần các bơm protein đặc hiệu.
3. Tiêu tốn năng lượng ATP. 4. Vận chuyển ngược chiều gradien nồng độ
- A. 1, 2, 4. B. 2, 3, 4 C. 1, 3, 4. D. 1, 2, 3

Vận dụng

Tự luận

Câu 1. Quan sát hình sau và ghép các bào quan được chú thích tương ứng với đặc điểm của chúng trong bảng sau theo mẫu.



Bào quan	Đặc điểm
	Là cấu trúc có nhiều nhất trong tế bào cơ.
	Vị trí tổng hợp các tiểu đơn vị của ribosome.
	Là cấu trúc rất phát triển trong tế bào tuyến tụy, tế bào bạch cầu.
	Nơi tổng hợp lipid, carbohydrate .
	Chứa enzyme catalase phân giải H_2O_2 , uricase phân giải uric acid khử độc cho tế bào.
	Nơi tiếp nhận tín hiệu từ môi trường bên ngoài.
	Điều khiển các hoạt động sống của tế bào.
	Cấu trúc tham gia vào quá trình phân chia tế bào.
	Là vị trí mà tại đó diễn ra quá trình gắn thêm carbohydrate vào protein hay lipid.
	Cấu trúc tham gia vào sự chết theo chương trình của tế bào.

Câu 2. Nước sấu ngâm là một loại nước giải khát được ưa chuộng vào mùa nắng nóng. Người ta lấy quả sấu ngâm ngập trong nước đường khoảng 3-4 ngày là có thể dùng được. Sau khi ngâm, tại sao kích thước quả sấu lại teo nhỏ và nước có vị chua ngọt?

Câu 3: Tại sao lại phải dùng nước muối sinh lý (NaCl 0,09%) để súc miệng mà lại không được phép dùng nước muối tự pha?

Trắc nghiệm

Câu 1. Biết rằng S là diện tích bề mặt, V là thể tích tế bào. Vi khuẩn có kích thước nhỏ nên tỉ lệ S/V lớn. Điều này giúp cho vi khuẩn

- A. dễ dàng biến đổi trước môi trường sống.
- B. dễ dàng tránh được kẻ thù, hóa chất độc.
- C. dễ dàng trao đổi chất với môi trường.
- D. dễ dàng gây bệnh cho các loài vật chủ.

Câu 2. Những đặc điểm nào sau đây có ở tất cả các loại vi khuẩn?

- 1. Kích thước nhỏ bé.
- 2. Sống ký sinh và gây bệnh.
- 3. Cơ thể chỉ có 1 tế bào.
- 4. Có nhân hoàn chỉnh.
- 5. Sinh sản rất nhanh.

A. 1, 2, 3.

B. 2, 3, 5.

C. 1, 3, 5.

D. 2, 4, 5.

Câu 3. Tế bào nhân thực có ở những loại sinh vật nào sau đây?

- (1) Động vật (2) Người (3) Thực vật (4) Vi khuẩn
(5) Virut (6) Nấm (7) Amip (8) Địa y
- A.** (1),(2),(3),(4),(6),(8) **B.** (1),(2),(3),(6),(8)
C. (1),(2),(3),(6),(7),(8) **D.** (1),(2),(3),(5),(6),(7)

Câu 4. Nhân của tế bào nhân thực không có đặc điểm nào sau đây?

- A.** Nhân được bao bọc bởi lớp màng kép.
B. Nhân chứa chất nhiễm sắc gồm DNA liên kết với protein.
C. Màng nhân có nhiều lỗ nhỏ để trao đổi chất với ngoài nhân.
D. Nhân chứa nhiều phân tử DNA dạng vòng.

Câu 5. Ở những người thường xuyên uống rượu, tế bào gan sẽ có hệ thống nào phát triển?

- A.** Nhân **B.** Lưới nội chất trơn **C.** Lưới nội chất hạt **D.** Lục lạp

Câu 6. Ở người, loại tế bào nào sau đây có hệ thống lưới nội chất hạt phát triển nhất?

- A.** Tế bào hồng cầu. **B.** Tế bào bạch cầu. **C.** Tế bào biểu bì. **D.** Tế bào cơ.

Câu 7. Vì sao lá cây thường có màu xanh lục?

- A.** Vì diệp lục chỉ hấp thụ được những tia sáng màu xanh lục.
B. Vì diệp lục không thể hấp thụ được những tia sáng màu xanh lục.
C. Vì carotenoid không thể hấp thụ được những tia sáng màu xanh lục.
D. Vì lớp cutin bảo vệ lá chống lại sự thoát hơi nước có màu xanh và quá dày.

Câu 8. Tế bào nào trong các tế bào sau đây của cơ thể người có nhiều lysosome nhất?

- A.** Tế bào thần kinh. **B.** Tế bào bạch cầu.
C. Tế bào cơ tim. **D.** Tế bào hồng cầu.

Câu 9. Các loại “kem dưỡng da” giúp tăng độ đàn hồi, giảm nếp nhăn, se khít lỗ chân lông,... thường chứa chất nào sau đây?

- A.** Cholesterol. **B.** Collagen. **C.** Nucleic acid. **D.** Glycoprotein.

Câu 10. O₂, CO₂ đi qua màng tế bào theo cơ chế

- A.** khuếch tán qua lớp phospholipid. **B.** khuếch tán qua kênh protein.
C. thẩm thấu qua lớp phospholipid. **D.** thẩm thấu qua kênh protein.

Câu 11. Hiện tượng nào sau đây là ví dụ của cơ chế vận chuyển thụ động?

- A.** Khi nhai cơm lâu sẽ cảm thấy ngọt. **B.** Sự tái hấp thụ các chất trong ống thận.
C. Oxygen từ mao mạch đến tế bào. **D.** Tim bơm máu đi khắp cơ thể.

Câu 12. Quá trình nào sau đây có thể dùng cơ chế vận chuyển thụ động?

1. Sự hấp thụ nước và ion khoáng ở tế bào lông hút của rễ.
2. Sự vận chuyển oxygen từ phế nang vào máu.
3. Sự tái hấp thụ các chất ở ống thận.
4. Sự hấp thụ chất dinh dưỡng của ruột non.

- A.** 1, 2, 4. **B.** 1, 2, 3. **C.** 2, 3, 4. **D.** 1, 3, 4.

Câu 13. Vì sao bón quá nhiều phân sẽ làm cho cây bị héo và chết?

1. Cây hấp thụ quá nhiều nước và dinh dưỡng, sinh trưởng quá hạn mức chịu đựng cơ thể.
2. Bón quá nhiều phân làm xấu cấu trúc đất, giết chết hệ vi sinh vật có lợi, gây độc cho cây.
3. Nồng độ chất tan trong đất tăng quá cao, cây vừa mất nước vừa không thể hấp thụ nước.
4. Nồng độ chất tan của dung dịch đất tăng quá cao làm lông hút bị chết hàng loạt

- A.** 1, 2, 3. **B.** 1, 2, 4 **C.** 1, 3, 4. **D.** 2, 3, 4.

Câu 14. Đặc điểm của vận chuyển chủ động là

1. Không tiêu tốn năng lượng ATP. 2. Cần các bơm protein đặc hiệu.
3. Tiêu tốn năng lượng ATP. 4. Vận chuyển ngược chiều gradien nồng độ

A. 1, 2, 4.

B. 2, 3, 4

C. 1, 3, 4.

D. 1, 2, 3

Câu 15. Thụ thể đặc hiệu **không** thể có mặt ở đâu?

A. Tự do trong máu.

C. Bề mặt nhân tế bào đích.

B. Bề mặt tế bào đích.

D. Trong nguyên sinh chất tế bào đích.

Vận dụng cao

Trắc nghiệm

Câu 1. Tiến hành thí nghiệm, loại bỏ thành tế bào của các loại vi khuẩn có hình dạng khác nhau, sau đó cho các tế bào trần này vào trong dung dịch có nồng độ chất tan bằng nồng độ các chất tan có trong tế bào thì tất cả các tế bào đều có dạng hình cầu. Thí nghiệm này chứng minh thành tế bào vi khuẩn có chức năng

A. quy định hình dạng tế bào.

C. không có chức năng gì.

B. có chức năng bảo vệ tế bào.

D. thực hiện trao đổi chất.

Câu 2. Bằng phương pháp nhân bản vô tính, người ta chuyển nhân của tế bào sinh dưỡng ở loài ếch A vào trứng (đã bị lấy mất nhân) của loài ếch B. Nuôi cấy trong môi trường đặc biệt thì phát triển thành cơ thể hoàn chỉnh. Cơ thể này sẽ

A. mang đặc điểm của loài A

C. mang đặc điểm của cả loài A và B

B. mang đặc điểm của loài B

D. mang đặc điểm khác cả 2 loài A và B

Câu 3. Tại sao khi ngâm mơ với đường sau một thời gian thì quả mơ teo lại, có vị ngọt và chua, đồng thời nước mơ cũng có vị ngọt và chua?

A. Khi ngâm mơ với đường, nồng độ chất tan bên ngoài cao hơn trong quả mơ nên nước trong mơ thẩm thấu ra ngoài, còn dung dịch đi vào nên mơ có vị ngọt và teo lại do mất nước.

B. Khi ngâm mơ với đường, nồng độ chất tan bên ngoài thấp hơn trong quả mơ nên nước trong mơ thẩm thấu ra ngoài.

C. Khi ngâm mơ với đường, nồng độ chất tan bên ngoài thấp hơn trong quả mơ nên nước trong mơ thẩm thấu ra ngoài, còn dung dịch đi vào nên mơ có vị ngọt và teo lại do mất nước.

D. Khi ngâm mơ với đường, nồng độ chất tan bên ngoài cao hơn trong quả mơ nên nước trong mơ khuếch tán ra ngoài, còn dung dịch đi vào nên mơ có vị ngọt và teo lại do mất nước.

2.5. Đề minh họa

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT HOÀNG VĂN THỤ

ĐỀ THI HK I NĂM HỌC 2023 -2024

Môn thi: SINH HỌC 10

Ngày thi: .../12/2024

Thời gian làm bài: 45 phút

ĐỀ MINH HỌA

Mã đề: 001

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (28 CÂU – 7điểm)

Câu 1. Tế bào nhân sơ có kích thước khoảng

A. 1 - 5 mm

B. 3 - 5 μm

C. 1 - 5 μm

D. 3 - 5 cm

Câu 2. Thành tế bào vi khuẩn được cấu tạo chủ yếu từ

A. cellulose.

C. peptidoglycan.

B. chitin.

D. carbohydrate.

Câu 3. Người ta dựa vào cấu trúc nào để chia vi khuẩn thành hai loại Gr^+ và Gr^- ?

A. Màng tế bào.

B. Tế bào chất.

C. Vùng nhân.

D. Thành tế bào.

Câu 4. Cấu trúc nào sau đây chỉ có ở tế bào thực vật ?

A. Thành tế bào, lục lạp.

C. Ti thể, peroxisome

B. Trung thể, lysosome.

D. Bộ máy Golgi

Câu 5. Cấu trúc nào sau đây chỉ có ở tế bào động vật ?

A. Thành tế bào, lục lạp.

B. Trung thể, lysosome.

- C. Ti thể, peroxisome
D. Bộ máy Golgi.
- Câu 6.** Nhân tế bào chứa chủ yếu là chất nhuộm sắc gồm
A. DNA + protein
B. lipid + protein
C. RNA + protein
D. carbohydrate + protein.
- Câu 7.** Trung tâm điều khiển mọi hoạt động sống của tế bào nhân thực là?
A. Vùng nhân.
B. Ribosome.
C. Màng sinh chất.
D. Nhân tế bào.
- Câu 8.** Lưới nội chất hạt khác lưới nội chất trơn ở điểm nào?
A. Có chứa phospholipid.
B. Có đính ribosome.
C. Có chứa protein.
D. Có chứa DNA.
- Câu 9.** Vận chuyển thụ động là phương thức vận chuyển các chất từ nơi có
A. nồng độ thấp đến nơi có nồng độ cao, không tốn năng lượng.
B. nồng độ cao đến nơi có nồng độ thấp, không tốn năng lượng.
C. nồng độ thấp đến nơi có nồng độ cao, tiêu tốn năng lượng.
D. nồng độ cao đến nơi có nồng độ thấp, tiêu tốn năng lượng..
- Câu 10.** Có hai con đường vận chuyển thụ động các chất qua màng là
A. qua lớp phospholipid và kênh glycoprotein.
B. qua lớp phospholipid và cầu sinh chất.
C. qua lớp phospholipid và các mối nối.
D. qua lớp phospholipid và kênh protein.
- Câu 11.** Thông tin giữa các tế bào là
A. sự truyền tín hiệu từ tế bào này sang tế bào khác của cùng một cơ thể.
B. sự truyền tín hiệu từ tế bào này sang tế bào khác của những cơ thể khác nhau.
C. sự truyền tín hiệu từ tế bào này sang tế bào khác thuộc cùng một mô trong cơ thể.
D. sự truyền tín hiệu thần kinh từ tế bào thần kinh này sang tế bào thần kinh khác.
- Câu 12.** Gọi là tế bào nhân thực vì
A. có hệ thống nội màng.
B. có vật chất di truyền là DNA.
C. có kích thước lớn
D. có màng nhân bao bọc vật chất di truyền.
- Câu 13.** Tế bào vi khuẩn được gọi là tế bào nhân sơ, vì nguyên nhân nào sau đây?
A. Tế bào vi khuẩn xuất hiện rất sớm.
B. Tế bào vi khuẩn có cấu trúc đơn bào.
C. Tế bào vi khuẩn có cấu tạo rất đơn giản.
D. Tế bào vi khuẩn chưa có màng nhân.
- Câu 14.** Sở dĩ ti thể có khả năng tự nhân đôi và tự tổng hợp protein là vì trong chất nền ti thể có chứa
A. carbohydrate, hormone, enzyme.
B. DNA, enzyme, hormone.
C. DNA, ribosome, enzyme.
D. carbohydrate, DNA, enzyme.
- Câu 15.** Gọi ti thể là “nhà máy năng lượng” của ti thể vì ti thể có chức năng?
A. Thực hiện “lên men” kị khí, tổng hợp năng lượng ATP.
B. Thực hiện “dịch mã”, tổng hợp protein tích lũy năng lượng.
C. Thực hiện “hô hấp tế bào” tổng hợp năng lượng ATP.
D. Thực hiện “quang hợp” hấp thụ và chuyển hóa năng lượng ánh sáng.
- Câu 16.** Thành phần chính của màng sinh chất gồm
A. lớp kép phospholipid + protein.
B. lớp kép protein + phospholipid.
C. lớp kép phospholipid + cellulose.
D. lớp kép cellulose + protein.
- Câu 17.** Thành phần nào của tế bào có vai trò tiếp nhận phân tử tín hiệu?
A. Thụ thể.
B. Màng tế bào.
C. Tế bào chất
D. Nhân tế bào.
- Câu 18.** Các chất được vận chuyển thụ động qua kênh protein thường là các chất
1. phân cực, các ion.
2. tan trong lipid, không phân cực.
3. tan trong nước, không tan trong lipid.
4. có kích thước lớn.
A. 2, 3, 4
B. 1, 3, 4
C. 1, 2, 4
D. 1, 2, 3.
- Câu 19.** Đặc điểm của vận chuyển chủ động là
1. Không tiêu tốn năng lượng ATP.
2. Cần các bơm protein đặc hiệu.

3. Tiêu tốn năng lượng ATP. 4. Vận chuyển ngược chiều gradien nồng độ
- A. 1, 2, 4. B. 2, 3, 4 C. 1, 3, 4. D. 1, 2, 3

Câu 20. Những đặc điểm nào sau đây có ở tất cả các loại vi khuẩn?

1. Kích thước nhỏ bé. 2. Sống ký sinh và gây bệnh. 3. Cơ thể chỉ có 1 tế bào.
4. Có nhân hoàn chỉnh. 5. Sinh sản rất nhanh.

- A. 1, 2, 3. B. 2, 3, 5. C. 1, 3, 5. D. 2, 4, 5.

Câu 21. Tế bào nhân thực có ở những loại sinh vật nào sau đây?

- (1) Động vật (2) Người (3) Thực vật (4) Vi khuẩn
(5) Virut (6) Nấm (7) Amip (8) Địa y

- A. (1),(2),(3),(4),(6),(8) B. (1),(2),(3),(6),(8)
C. (1),(2),(3),(6),(7),(8) D. (1),(2),(3),(5),(6),(7)

Câu 22. Nhân của tế bào nhân thực không có đặc điểm nào sau đây?

- A. Nhân được bao bọc bởi lớp màng kép.
B. Nhân chứa chất nhiễm sắc gồm DNA liên kết với protein.
C. Màng nhân có nhiều lỗ nhỏ để trao đổi chất với ngoài nhân.
D. Nhân chứa nhiều phân tử DNA dạng vòng.

Câu 23. Hiện tượng nào sau đây là ví dụ của cơ chế vận chuyển thụ động?

- A. Khi nhai cơm lâu sẽ cảm thấy ngọt. B. Sự tái hấp thụ các chất trong ống thận.
C. Oxygen từ mao mạch đến tế bào. D. Tim bơm máu đi khắp cơ thể.

Câu 24. Quá trình nào sau đây có thể dùng cơ chế vận chuyển thụ động?

1. Sự hấp thụ nước và ion khoáng ở tế bào lông hút của rễ.
2. Sự vận chuyển oxygen từ phế nang vào máu.
3. Sự tái hấp thụ các chất ở ống thận.
4. Sự hấp thụ chất dinh dưỡng của ruột non.

- A. 1, 2, 4. B. 1, 2, 3. C. 2, 3, 4. D. 1, 3, 4.

Câu 25. Thụ thể đặc hiệu không thể có mặt ở đâu?

- A. Tự do trong máu. B. Bề mặt tế bào đích.
C. Bề mặt nhân tế bào đích. D. Trong nguyên sinh chất tế bào đích.

Câu 26. Tiến hành thí nghiệm, loại bỏ thành tế bào của các loại vi khuẩn có hình dạng khác nhau, sau đó cho các tế bào trần này vào trong dung dịch có nồng độ chất tan bằng nồng độ các chất tan có trong tế bào thì tất cả các tế bào đều có dạng hình cầu. Thí nghiệm này chứng minh thành tế bào vi khuẩn có chức năng

- A. quy định hình dạng tế bào. B. có chức năng bảo vệ tế bào.
C. không có chức năng gì. D. thực hiện trao đổi chất.

Câu 27. Bằng phương pháp nhân bản vô tính, người ta chuyển nhân của tế bào sinh dưỡng ở loài ếch A vào trứng (đã bị lấy mất nhân) của loài ếch B. Nuôi cấy trong môi trường đặc biệt thì phát triển thành cơ thể hoàn chỉnh. Cơ thể này sẽ

- A. mang đặc điểm của loài A B. mang đặc điểm của loài B
C. mang đặc điểm của cả loài A và B D. mang đặc điểm khác cả 2 loài A và B

Câu 28. Tại sao khi ngâm mơ với đường sau một thời gian thì quả mơ teo lại, có vị ngọt và chua, đồng thời nước mơ cũng có vị ngọt và chua?

A. Khi ngâm mơ với đường, nồng độ chất tan bên ngoài cao hơn trong quả mơ nên nước trong mơ thẩm thấu ra ngoài, còn dung dịch đi vào nên mơ có vị ngọt và teo lại do mất nước.

B. Khi ngâm mơ với đường, nồng độ chất tan bên ngoài thấp hơn trong quả mơ nên nước trong mơ thẩm thấu ra ngoài.

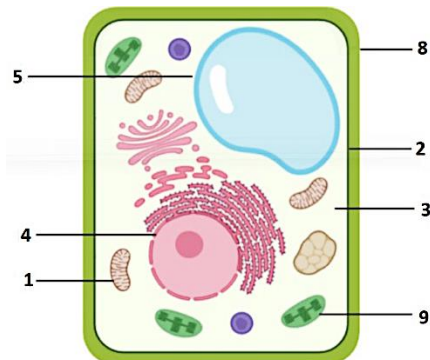
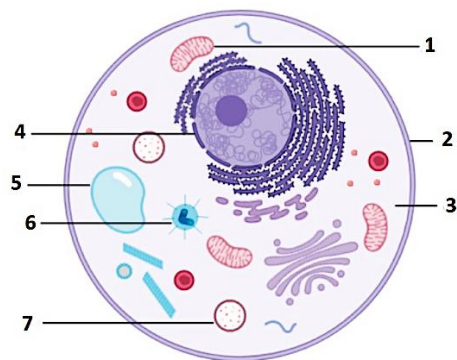
C. Khi ngâm mơ với đường, nồng độ chất tan bên ngoài thấp hơn trong quả mơ nên nước trong mơ thẩm thấu ra ngoài, còn dung dịch đi vào nên mơ có vị ngọt và teo lại do mất nước.

D. Khi ngâm mơ với đường, nồng độ chất tan bên ngoài cao hơn trong quả mơ nên nước trong mơ khuếch tán ra ngoài, còn dung dịch đi vào nên mơ có vị ngọt và teo lại do mất nước.

PHẦN II: TỰ LUẬN (3 CÂU – 3 điểm)

Câu 1: So sánh cấu trúc và chức năng của ti thể và lục lạp?

Câu 2. Hãy chú thích các thành phần cấu tạo của tế bào động vật và thực vật trong hình sau



- | | | |
|--------|--------|--------|
| 1..... | 2..... | 3..... |
| 4..... | 5..... | 6..... |
| 7..... | 8..... | 9..... |

Câu 3: Tại sao lại phải dùng nước muối sinh lý (NaCl 0,09%) để súc miệng mà lại không được phép dùng nước muối tự pha?

----- HẾT -----

Hoàng Mai, ngày 1 tháng 12 năm 2023.
TỔ (NHÓM) TRƯỞNG

TRƯỜNG THPT HOÀNG VĂN THỤ
BỘ MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KỲ I
Năm học: 2023-2024

KHỐI 10

I. Kỹ thuật di chuyển chuyên bắt bóng (Bóng rổ):

- Yêu cầu kiến thức:
- + Biết cách thực hiện được kỹ thuật chuyên, bắt bóng hai tay trước ngực
- + Biết cách thực hiện kỹ thuật chạy nghiêng, kỹ thuật di chuyển dẫn bóng theo đường thẳng

II. Kỹ thuật giao cầu thuận tay (Cầu lông):

- Yêu cầu kiến thức: Biết cách thực hiện giao cầu thuận tay vào ô (số lượng: 3/5 quả)

III. Kỹ thuật đá bóng bằng mu bàn chân

- + Nữ đá bóng lăn sệt khoảng 10m vào gôn (3/5 quả)
- + Nam đá bóng bổng khoảng 15m (3/5 quả)
- Yêu cầu kiến thức: Biết cách chạy đà, đặt chân trụ, vung chân, chọn điểm tiếp xúc